

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 282/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm
giai đoạn 2026 - 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc phát sinh của các bộ, cơ quan, địa phương, kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo.

THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg

ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

- Tiếp tục quán triệt, thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đẩy mạnh triển khai, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

- Kịp thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của các bộ, ngành, địa phương.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đến năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

- Giai đoạn 2026 - 2027:

+ Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính, bảo đảm cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ, ổn định, khả thi cho bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương hoạt động thông suốt, liên tục, hiệu lực và hiệu quả.

+ Hoàn thiện thể chế, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm kịp thời, đúng chủ trương của Đảng.

+ Hoàn thành việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

+ 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch.

+ 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% thủ tục hành chính có đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.

+ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Giai đoạn 2028 - 2030:

+ Có hệ thống pháp luật công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi.

+ Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ thời kỳ mới.

+ Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp đạt tối thiểu 95%, trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

+ Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt 90%.

+ Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt 80%.

+ 100% bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

+ 100% cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

+ Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt đạt 30 lần GDP.

+ Xếp hạng về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á và nhóm 50 nước dẫn đầu thế giới theo đánh giá của Liên hợp quốc.

+ Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS) đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ công, nhất là y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%.

(Bộ, cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu tại Phụ lục I kèm theo).

3. Yêu cầu

- Xác định cải cách hành chính là một trong những giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia. Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các ngành, các cấp phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, thông suốt từ trung ương đến địa phương. Quán triệt yêu cầu lấy liêm chính làm nền tảng, lấy hành động quyết liệt làm cam kết và lấy phục vụ Nhân dân là mục tiêu tối thượng.

- Kế hoạch phải được tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện, thống nhất và nghiêm túc, bảo đảm thực chất, hiệu quả, có kiểm soát, không để xảy ra tình trạng triển khai manh mún, hình thức, cục bộ.

- Kế thừa và phát huy những kinh nghiệm tốt trong cải cách hành chính ở trong nước giai đoạn vừa qua. Tăng cường nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm cải cách của các quốc gia phát triển; đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động hiệu quả các nguồn lực về vốn, tri thức và công nghệ hỗ trợ cho quá trình cải cách hành chính ở Việt Nam.

- Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; coi đây là “đột phá của đột phá”, lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước trở thành lực lượng tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng

mới. Đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, áp dụng công nghệ tiên tiến, mô hình quản trị hiện đại theo chuẩn mực quốc tế.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

c) Tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

d) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm pháp luật minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là các thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

b) Đẩy mạnh thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính gắn với sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và dựa trên dữ liệu.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai, thành phần hồ sơ yêu cầu chứng thực và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở khai thác, sử dụng có hiệu quả các dữ liệu có sẵn trên các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tập trung sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tháo gỡ các rào cản về thủ tục để tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước theo Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 và Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị và các nghị quyết khác liên quan đến đầu tư, kinh doanh.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan.

- Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước: Thường xuyên rà soát, công bố kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính nội bộ; tổ chức thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính theo đúng lộ trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tái cấu trúc quy trình thủ tục, tăng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và nâng cao năng suất lao động trong các cơ quan hành chính nhà nước.

c) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thường xuyên rà soát, cập nhật, công bố, công khai kịp thời, đầy đủ các thủ tục hành chính theo quy định.

- Đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên cơ sở rà soát, tăng cường tái cấu trúc quy trình, khai thác có hiệu quả các dữ liệu đã được số hóa và các biểu mẫu điện tử tương tác để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Xây dựng, nâng cấp và vận hành có hiệu quả hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, dễ thực hiện, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và tránh đầu tư trùng lặp.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính; tiếp tục triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định của Chính phủ.

- Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, rõ ràng, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ trên cơ sở cụ thể hoá các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

b) Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với cơ chế kiểm soát quyền lực, xoá cơ chế "xin - cho", tăng trách nhiệm người đứng đầu, bảo đảm việc thực thi hiệu quả.

c) Đẩy mạnh rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý nhà nước để nâng cao hiệu lực, hiệu quả vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, trọng tâm vào các lĩnh vực: Tài chính - ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật để thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế, doanh nghiệp nhà nước.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy định pháp luật để tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025.

b) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật để triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo Kết luận số 205-KL/TW ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đãi ngộ cán bộ. Nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài Việt Nam; có cơ chế theo dõi, đánh giá, sàng lọc thường xuyên, công khai, minh bạch.

c) Rà soát, xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, tổ chức làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức.

d) Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm.

e) Tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ.

5. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện cơ chế tài chính, bảo đảm phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước và các luật có liên quan.

b) Tổ chức triển khai có hiệu quả quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Tập trung hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

d) Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 và các quy định có liên quan. Triển khai quyết liệt việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở, tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

6. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý.

- Sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết để tổ chức thi hành có hiệu quả Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng.

- Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số cấp bộ, cấp tỉnh phù hợp với yêu cầu phát triển Chính phủ số và Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

- Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung.

- Xây dựng, cập nhật danh mục các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực.

- Ban hành hướng dẫn lựa chọn, triển khai và tích hợp trợ lý ảo vào các nền tảng điều hành, tác nghiệp của các bộ, ngành, địa phương.

b) Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính phủ số.

- Xây dựng, nâng cấp, đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

- Xây dựng, hoàn thiện, quản lý, vận hành có hiệu quả Trung tâm dữ liệu quốc gia, bảo đảm thông suốt, an toàn, bảo mật dữ liệu, hỗ trợ phát triển Chính phủ số.

- Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai. Hoàn thiện việc đo đạc, thống kê, số hóa, làm sạch hệ thống dữ liệu đất đai trên toàn quốc, kết nối, chia sẻ liên thông với các hệ thống dữ liệu quốc gia khác.

- Phát triển các ứng dụng, nền tảng số quy mô cấp bộ, cấp tỉnh và quy mô quốc gia, giúp nâng cao hiệu quả quản trị, chỉ đạo, điều hành trong hoạt động quản lý nhà nước: Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Hoàn thiện các nền tảng, tiện ích cốt lõi quy định tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp được thụ hưởng dịch vụ số thuận tiện, nhanh chóng, an toàn, không còn rào cản về giấy tờ, thủ tục hay địa giới hành chính.

- Nâng cấp các tính năng, tích hợp các công cụ trợ lý ảo, tiện ích thông minh để triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu là một Cổng duy nhất trên toàn quốc thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, ban hành và tổ chức triển khai có hiệu quả các cơ chế, chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tiếp tục triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục II kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Trên cơ sở nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm để triển khai thực hiện phù hợp yêu cầu thực tế của các bộ, ngành, địa phương; báo cáo sơ kết, tổng kết, định kỳ theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính được phân công, bảo đảm chất lượng, tiến độ đề ra theo kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của bộ, ngành, địa phương.

- Ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; sử dụng có hiệu quả Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước để nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành cải cách hành chính tại các bộ, ngành, địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Các bộ, cơ quan ngang bộ tăng cường phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành mình. Chủ động đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các giải pháp, biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh để xóa bỏ các rào cản, giúp nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính trọng tâm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành.

2. Bộ Nội vụ

Là cơ quan thường trực cải cách hành chính của Chính phủ, giúp Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định. Nghiên cứu, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải pháp xử lý những khó khăn, vướng mắc của các bộ, ngành, địa phương trong quá trình thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

- Chủ trì triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ.

- Chủ trì triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện công tác cải cách hành chính ở các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh triển khai công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính.

- Phối hợp với Bộ Tài chính đề lập, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí hoạt động triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ của Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định.

3. Văn phòng Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc phát triển, quản lý, vận hành Trục liên thông văn bản quốc gia; Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

b) Chủ trì triển khai nhiệm vụ đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật và công tác tổ chức thi hành pháp luật.

c) Chủ trì triển khai nội dung cải cách thủ tục hành chính.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật trên nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động.

5. Bộ Tài chính

a) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất các giải pháp tiếp tục đổi mới phân cấp ngân sách nhà nước để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương; hướng dẫn, đôn đốc và giám sát thực hiện công khai ngân sách nhà nước của các bộ, ngành, địa phương.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các quy định của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý, sử dụng kinh phí quản lý hành chính của cơ quan nhà nước.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với lộ trình đổi mới tổ chức và hoạt động đơn vị sự nghiệp công.

d) Tổng hợp đề xuất của các bộ, cơ quan trung ương để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì triển khai nội dung xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

b) Chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

7. Bộ Công an

a) Chủ trì triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ; theo dõi, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06. Chịu trách nhiệm vận hành, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hệ thống định danh và xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn và tính sẵn sàng cao của các hệ thống này phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu liên tục.

b) Chủ trì xây dựng, quản lý, vận hành Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính; xây dựng và quản trị kỹ thuật Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; hướng dẫn, triển khai kết nối Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành qua nền tảng điều phối, chia sẻ dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính; hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương bảo đảm an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Bộ, cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
I	Giai đoạn 2026 - 2027			
1.	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95	Bộ Khoa học và Công nghệ
2.	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia	%	100	Bộ Công an
3.	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Bộ Tư pháp
4.	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	%	100	Bộ Công an
5.	Tỷ lệ các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số được hoàn thành và đưa vào sử dụng thống nhất từ Trung ương đến địa phương theo đúng kế hoạch	%	100	Bộ Khoa học và Công nghệ
II	Giai đoạn 2028 - 2030			
1	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	≥ 95	Bộ Tư pháp

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kết quả	Bộ, cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, đánh giá
2	Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư	%	≥ 90	Bộ Tư pháp
3	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	90	Bộ Tư pháp
4	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	%	80	Bộ Công an
5	Tỷ lệ bộ, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	%	100	Bộ Công an
6	Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn	%	100	Bộ Công an
7	Giá trị thanh toán không dùng tiền mặt	Lần GDP	30	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
8	Xếp hạng về phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số của Việt Nam	Thứ bậc	≤ 3 Đông Nam Á; ≤ 50 Thế giới	Bộ Khoa học và Công nghệ
9	Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (Chỉ số SIPAS)	%	≥ 95	Bộ Nội vụ
10	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế	%	≥ 90	Bộ Y tế
11	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập	%	≥ 90	Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phụ lục II
CÁC NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(Kèm theo Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH				
1.	Tăng cường thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính, tạo chuyển biến mạnh mẽ, tích cực về nhận thức, hành động và trách nhiệm trong toàn hệ thống chính trị, người dân, doanh nghiệp và xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ; các Báo, Đài ở trung ương và địa phương	Chuyên trang, Chuyên mục, Bản tin; Cuộc thi,....	Thường xuyên
2.	Tiếp tục đổi mới công tác theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả cải cách hành chính dựa trên dữ liệu trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương"	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính	Hàng năm
3.	Tiếp tục triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Báo cáo kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính	Hàng năm
4.	Tăng cường năng lực đội ngũ công chức thực hiện công tác cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành và địa phương	Các lớp, hội nghị tập huấn; Tổ chức các đoàn học tập, nghiên cứu về CCHC	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
5.	Tiếp tục triển khai Đề án “Hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin đánh giá cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030”	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Các nhiệm vụ của Đề án được triển khai	Hàng năm
6.	Tăng cường kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, bảo đảm chất lượng và tiến độ theo kế hoạch hàng năm; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ	Các báo cáo kết quả kiểm tra; kết quả xử lý các vấn đề phát hiện.	Thường xuyên
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ				
II.1	Tiếp tục đột phá xây dựng và hoàn thiện thể chế, giải phóng mọi nguồn lực cho phát triển; hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện thể chế về sở hữu và phát triển các thành phần kinh tế, bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng, sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành, địa phương	Các văn bản pháp luật được ban hành	2026 - 2030
2	Hoàn thiện hệ thống pháp luật, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế và triển khai đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước trở thành lực lượng tiên phong kiến tạo phát triển, dẫn dắt, mở đường, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ cấu lại nền kinh tế và xác lập mô hình tăng trưởng mới	Các bộ, ngành, địa phương (theo phân công tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW		Các Đề án, văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung, ban hành mới	Theo lộ trình tại Chương trình hành động của Chính phủ

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
		ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị)			
3	Rà soát, sửa đổi Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, bổ sung quy định: (i) kiểm soát biến động giá đất, đặc biệt là giá đất sản xuất kinh doanh, phi nông nghiệp; (ii) giao các địa phương dành quỹ đất đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ để cho doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê; hỗ trợ tiền thuê lại đất cho các đối tượng doanh nghiệp trên	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành được sửa đổi	2026 - 2027
4	Xây dựng, hoàn thiện khung hỗ trợ kiến thức, kỹ năng khởi nghiệp, kinh doanh cho học sinh, sinh viên; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, giáo viên các cơ sở giáo dục; bổ sung, tích hợp vào chương trình đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định	2026 - 2030
II.2	Tạo đột phá trong tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật				
1	Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp		Thường xuyên
2	Thực hiện thường xuyên, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, hợp nhất, hệ thống hóa văn bản quy	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	phạm pháp luật theo quy định			soát, xử lý VBQPPL; kết quả hợp nhất, hệ thống hóa VBQPPL	
3	Đa dạng hóa phương thức truyền thông chính sách, phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số; ưu tiên những nội dung quan trọng được phát trên khung giờ thu hút đông đảo khán, thính giả trên hệ thống phát thanh, truyền hình quốc gia	Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Tiếng nói Việt Nam	Bộ Tư pháp		Thường xuyên
4	Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong giám sát thi hành pháp luật	Bộ Tư pháp	Bộ Nội vụ, VCCI, Mặt trận Tổ quốc VN, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp	Các cơ chế, chính sách được ban hành; Các báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
5	Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường thực hiện chuyển đổi số công tác này	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, Đài Truyền hình VN, Đài Tiếng nói VN	- Đề án/Kế hoạch chuyển đổi số công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. - Xây dựng các nền tảng/ ứng dụng phổ biến,	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
				giáo dục pháp luật hiện đại.	
6	Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Đề án “Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn 2026 - 2031”	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Đề án	Tháng 6/2026
7	Thực hiện hiệu quả công tác đánh giá xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Bộ Tư pháp	Các địa phương	Văn bản hướng dẫn Kế hoạch thực hiện hàng năm.	2026 - 2030
II.3	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm pháp luật minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao.				
1	Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, tăng cường tham vấn ý kiến chuyên gia, tổ chức và người dân, bảo đảm pháp luật minh bạch, nhất quán, ổn định và có tính dự báo cao	Bộ Tư pháp	Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ; các bộ, cơ quan liên quan	- Quy trình/ Quy chế lập pháp, lập quy được rà soát, chuẩn hóa. - Hướng dẫn, quy trình tham vấn chính sách và đánh giá tác động hoàn thiện.	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
2	Xây dựng Đề án thực hiện soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật tập trung, chuyên nghiệp	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ	Tháng 9/2026
3	Xây dựng Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Quyết định phê duyệt Đề án của Thủ tướng Chính phủ	Tháng 5/2026
4	Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp; Sở Tư pháp		Thường xuyên
5	Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công	Các bộ, cơ quan, địa phương	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp	Chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi được thu hút, tiếp nhận	Thường xuyên
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
III.1	Cải cách quy định thủ tục hành chính				

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
1	Kiểm soát chặt chẽ quy định thủ tục hành chính ngay từ khâu dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải thực sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Các kết quả thẩm định, đánh giá tác động TTHC	Thường xuyên
2	Rà soát, phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết hoặc mâu thuẫn, chồng chéo hoặc quy định chung chung, không rõ ràng. Kịp thời sửa đổi, bổ sung các văn bản để thực thi các phương án cắt giảm, đơn giản hóa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp.	- Các quyết định phê duyệt; - Các văn bản QPPL được sửa đổi, bổ sung để thực thi.	Thường xuyên
3	Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo quy định tại Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 và các quy định khác có liên quan	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Các nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ	2026 - 2030
III.2	Đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công				
1	Triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu là một Cổng duy nhất trên toàn quốc để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	Tháng 02/2026
2	Xây dựng, đưa vào vận hành Hệ thống điều phối giải quyết thủ tục hành chính là một cấu phần của Cổng Dịch vụ công quốc gia	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Hệ thống được xây dựng	Tháng 3/2026

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
3	Mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán	Các bộ, ngành, địa phương	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tư pháp, Bộ Công an	Các tiện ích được hoàn thiện, cung cấp	2026 - 2030
4	Hoàn thiện các quy định pháp luật và triển khai có hiệu quả việc thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính	Bộ Tư pháp	Các bộ, ngành, địa phương	Các quy định được ban hành; vướng mắc được tháo gỡ.	2026 - 2030
5	Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp; Bộ Công an	Các dữ liệu được số hóa, cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.	Thường xuyên
6	Rà soát, hoàn thiện các quy định để nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; bảo đảm công khai, minh bạch, tối ưu hóa quy trình, nâng cao năng suất lao động, hiệu lực, hiệu quả quản lý, nâng cao sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp		Thường xuyên
7	Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp.	Báo cáo kết quả kiểm tra	Theo kế hoạch hàng năm hoặc

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
					đột xuất
8	Thực hiện rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Số liệu TTHC được cắt giảm, đơn giản hóa	Thường xuyên
9	Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong thực hiện thủ tục hành chính, gắn với phân bổ nguồn lực, đề cao trách nhiệm thực thi của các cấp, các ngành theo hướng giảm việc giải quyết thủ tục của các cơ quan trung ương <i>“Cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực”</i>	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	2026-2030
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY				
1	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.	Các bộ, ngành	Bộ Nội vụ	Các nghị định của Chính phủ; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Thường xuyên
2	Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và tương đương theo hướng dẫn của các	Các địa phương	Bộ Nội vụ Các bộ, cơ quan có	Các Quyết định	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	bộ, ngành trung ương		liên quan		
3	Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả	Các bộ, ngành, địa phương (<i>đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý</i>)	Bộ Nội vụ	Luật, Nghị định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	Năm 2026
4	Sơ kết việc triển khai vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan có liên quan	Báo cáo sơ kết	Năm 2027
5	Rà soát, hoàn thiện thể chế tiếp tục phân cấp, phân quyền triệt để giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ với chính quyền địa phương; giữa người đứng đầu bộ, ngành với chính quyền địa phương; giữa các cấp chính quyền địa phương theo hướng " <i>Trung ương tăng cường quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm</i> "	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp	Luật, Nghị định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan	2026 - 2030
6	Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Nội vụ; Bộ Tài chính.	Số lượng cơ quan, đơn vị được sắp xếp	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	thông suốt, hiệu lực, hiệu quả				
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ				
1	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Nghị định, Thông tư	Năm 2027
2	Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và đa dạng chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Nghị quyết, Nghị định, Thông tư	Năm 2026
3	Nghiên cứu, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài Việt Nam	Bộ Nội vụ	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài chính.	Báo cáo nghiên cứu, đề xuất	Theo lộ trình được cấp có thẩm quyền giao
4	Đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức từ tiếp cận theo nội dung sang tiếp cận theo vị trí việc làm và khung năng lực của vị trí việc làm	Bộ Nội vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Chương trình, tài liệu	2026 - 2030
5	Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ cơ bản, phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nội vụ		2026 - 2030
6	Xây dựng, ban hành Nghị định về kiểm soát tài sản	Thanh tra Chính	Các bộ,	Nghị định	Tháng

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	của người có chức vụ, quyền hạn (thay thế Nghị định số 130/2020/NĐ-CP)	phủ	ngành, địa phương		6/2026
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG				
1	Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tài chính	Các văn bản, báo cáo; các văn bản đôn đốc, kiểm tra	2026 - 2030
2	Rà soát, bố trí đủ kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tài chính	Kinh phí được bố trí đủ Cơ sở vật chất được nâng cấp, trang bị	Thường xuyên
3	Hướng dẫn lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành có liên quan	Văn bản hướng dẫn	Tháng 12/2026
4	Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự	Các bộ, ngành	Bộ Tài	Các định mức	Tiếp tục

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
	nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.		chính	kinh tế - kỹ thuật được ban hành.	triển khai giai đoạn 2026 - 2030
5	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo,...	Bộ Tài chính	Các bộ, ngành liên quan.	Các chính sách được ban hành.	2026 - 2030
6	Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình doanh nghiệp; tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ.	Phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	Tiếp tục triển khai 2026 - 2030
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ				
VII.1	Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý				
1	Xây dựng quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng	Các bộ, ngành, địa phương	Các văn bản quy phạm pháp luật	Năm 2026
2	Ban hành Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số đến năm 2035, định hướng đến năm 2045	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, cơ quan liên quan	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Năm 2026
3	Xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa	Quyết định của Thủ tướng	Năm 2026

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
			phương	Chính phủ	
4	Xây dựng Chiến lược/Định hướng phát triển ngoại giao số của Việt Nam giai đoạn đến năm 2030	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan liên quan	Chiến lược/Định hướng	Năm 2026
5	Xây dựng và triển khai các Đề án đô thị thông minh	Các thành phố trực thuộc Trung ương và một số tỉnh đủ điều kiện	Bộ Nội vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ	Đề án	Tháng 6/2028
VII.2	Phát triển dữ liệu số, ứng dụng, nền tảng số và hạ tầng phục vụ cho phát triển Chính phủ số				
1	Hoàn thiện triển khai xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung; đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia để xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia, phục vụ chuyển đổi số quốc gia	Các bộ, ngành	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Công an	Hoàn thành các CSDL quốc gia; Các CSDL dùng chung của các bộ, ngành	Theo lộ trình của từng CSDL đã được phê duyệt
2	Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai	Các bộ, ngành, địa phương	Bộ Tư pháp	Hoàn thành, khai thác sử dụng	Thường xuyên
3	Xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Từ điển dữ liệu dùng chung	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Chiến lược được xây, triển khai theo yêu cầu	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
4	Xây dựng Trung tâm Dữ liệu quốc gia và nền tảng điện toán đám mây thống nhất, hiệu năng cao để cung cấp tài nguyên tính toán, lưu trữ, sao lưu tập trung và bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu cao nhất cho các hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương và toàn hệ thống chính trị	Bộ Công an	Các bộ, ngành, địa phương	Hệ thống vận hành ổn định, đáp ứng các mục tiêu của từng thời kỳ	2026 - 2030
5	Phát triển Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số (EMC)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, ngành, địa phương	Hệ thống	2026 - 2030
6	Xây dựng Hệ thống xác thực, xác nhận dữ liệu quốc gia	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ	Cổng xác thực, xác nhận quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia	Năm 2026
7	Xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật	Bộ Tư pháp	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án	Tháng 5/2026
8	Phát triển Trục liên thông văn bản quốc gia đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	2026 - 2030
9	Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ; Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Văn phòng Chính phủ	Các bộ, ngành, địa phương	Hoàn thành, khai thác sử dụng.	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Chủ trì	Phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian
10	Xây dựng Đề án thí điểm triển khai bản sao số cho một số thành phố lớn thuộc trung ương để quản lý, phát triển	Các địa phương được lựa chọn	Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Xây dựng	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Tháng 9/2026
11	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Các bộ, ngành, địa phương	Đề án được ban hành	Tháng 12/2026